

PHẠM QUỲNH

MODULE THPT

36

**GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO
HỌC SINH TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- Nội dung của module này nhằm hướng dẫn GV biết ứng dụng việc giáo dục giá trị vào trong những hoạt động dạy học. Module cũng yêu cầu GV tự thiết kế những bài tập theo các tình huống khác nhau, theo các phương pháp khác nhau... từ đó đưa ra những hành vi ứng xử mới theo đúng hệ giá trị; yêu cầu GV lập những kế hoạch làm mẫu các hoạt động theo các giá trị khác nhau trong lớp học, trong giờ ngoại khóa... Module này không phải là một tài liệu đóng, mà khuyến khích GV chia sẻ kinh nghiệm, sự sáng tạo của bản thân qua việc tự thiết kế các hoạt động giáo dục, lồng ghép vào các bài học trên lớp, tự dàn dựng các vở kịch, tự sáng tác ca khúc, bài thơ, tự sưu tầm các câu chuyện... liên quan đến các giá trị. Mỗi GV cũng là một tấm gương thực hiện các hành vi theo giá trị.
- Cấu trúc trong mỗi nội dung:
 - + Đây là tài liệu hướng dẫn tự học. Cấu trúc chung của tài liệu đáp ứng các yêu cầu: xác định mục tiêu dạy học cụ thể; hoạch định nội dung (đối tượng học tập) giúp GV thực hiện mục tiêu dạy học; thiết kế các hoạt động (con đường linh hoạt) để thực hiện nội dung; thông tin cơ bản giúp GV thực hiện các hoạt động; các công cụ để GV tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
 - + Các nội dung (từ nội dung 1 đến nội dung 4) của tài liệu tập trung vào từng chủ đề cụ thể liên quan đến mục tiêu của cuốn sách. Từng nội dung bao gồm:
 - Lí thuyết là nội dung chi tiết, giải thích và ví dụ về các khái niệm chủ yếu.
 - Bài tập được đan xen vào nội dung nhằm giúp bạn chủ động suy nghĩ về khái niệm và vấn đề đang được thảo luận.
 - Bài tự đánh giá nhằm giúp học viên đánh giá những kiến thức từ mỗi chương.
 - + Ngoài ra, trong phần cuối của mỗi nội dung hoặc hoạt động sẽ có:
 - Bài tập để kiểm tra sự hiểu biết của bạn về các khái niệm đã trình bày.
 - Bài tập tình huống cho phép bạn áp dụng kiến thức và kĩ năng của bạn vào việc phân tích một tình huống cụ thể.
- Phương pháp học:

- + Tài liệu được thiết kế bởi kĩ thuật thiết kế tài liệu tự học, vì thế người học có thể học ở mọi nơi, mọi lúc. Người học cần tập trung và hạn chế được những tác động xung quanh để hiệu quả học tập cao hơn.
- + Người học cần phối hợp các hoạt động học tập chủ yếu như: đọc, ghi chép, làm bài thực hành, bài tập tự đánh giá và suy ngẫm. Sau mỗi chương, cần dừng ở trang suy ngẫm để điểm lại những nội dung quan trọng. Cần thảo luận những vấn đề đã học với đồng nghiệp và tận dụng cơ hội để áp dụng những điều đã học vào thực tế.
- + Trước khi tìm hiểu module này, cần trả lời những câu hỏi sau:
(1) Các kết quả mà tôi mong muốn đạt được cho bản thân là:

(2) Các kết quả mà tôi mong muốn đạt được cho HS là:



B. MỤC TIÊU

Sau khi đọc tài liệu này, GV có thể.

- Nêu lên được quan niệm về giá trị, định hướng giá trị và giá trị.
- Phân loại giá trị và sự liên hệ giữa chúng.
- Xác định được vai trò và mục tiêu giáo dục giá trị cho HS THPT.
- Ý nghĩa của giáo dục giá trị đối cho HS THPT.
- Vận dụng các phương pháp giáo dục giá trị cho HS THPT.
- Tiến hành xây dựng, thiết kế các hoạt động giáo dục giá trị.



C. NỘI DUNG

Module có 4 nội dung.

NỘI DUNG 1

CÁC KHÁI NIỆM GIÁ TRỊ, CHUẨN GIÁ TRỊ, ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm giá trị và nguồn gốc của giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Anh/ chị hãy tìm hiểu, thảo luận và cho biết ý kiến về khái niệm giá trị cũng như nguồn gốc của giá trị.

2. THÔNG TIN

Quan niệm về giá trị được hình thành từ rất sớm trong lịch sử. Trong triết học cổ đại Trung Quốc, các nhà triết học thuộc trường phái Mặc gia cho rằng, nguyên tắc đạo đức là mưu cầu lợi ích căn bản cho dân, cho nước.

Tuân Tử thuộc phái Nho gia cũng xuất phát từ lợi ích lâu dài của mọi người để bàn về căn cứ đạo đức. Trong thiên *Lễ luận* đã cho rằng, người ta sống thì có mong muốn, mong muốn không được thì không thể không cầu xin, cầu xin quá mức độ giới hạn thì phải tranh giành, tranh giành sẽ sinh loạn, mà loạn thì hết. Tiên vương vì ghét loạn cho nên định ra lễ nghĩa mà phân phát cho mọi người. *Nhân, lễ, nghĩa, nhạc* là để lo thay cho thiên hạ, lo cho các dân sinh trong thiên hạ, sau đó mới giữ được đến muôn đời. Có nghĩa là các vị thánh vương vì lo cho lợi ích lâu dài của mọi người mà định ra những nguyên tắc đạo đức. Đạo đức trở thành sự thoả mãn lợi ích lâu dài của mọi người.

Như vậy, điểm qua quan điểm của phái Mặc gia và Nho gia về giá trị bước đầu đã cho thấy cả hai phái này đã xác lập giá trị dựa trên quan hệ giữa người với người trong xã hội.

Aristotle cho rằng giá trị chính là sự thoả mãn nhu cầu. Điều này được thể hiện rõ khi ông bàn về cái thiện. Theo ông, *thiện* có hai tầng hàm nghĩa: một là tự thân là thiện và hai là thông qua cái khác để có thiện. Có nghĩa là thiện có thể chia ra làm hai loại: thiện của tính mục đích và thiện của tính công cụ. Thiện của tính mục đích không lấy cái thiện khác làm mục đích, không làm công cụ để đạt tới cái thiện khác mà tự thân nó đã là mục đích, nó là một thứ thuộc về bản thân, sẵn có, không thể tước đoạt. Thiện của tính công cụ làm công cụ, phương tiện để đạt được cái thiện khác.

Trong cuốn *Ý chí của tín ngưỡng*, nhà triết học theo chủ nghĩa thực dụng người Mỹ, W. James đã cho rằng, bản chất của cái thiện, nói đơn giản là thoả mãn nhu cầu.

Trong *Bàn về giá trị nói chung*, Ralph Barton Perry đã viết: giá trị là tất cả “những sự vật có ích”. Sau đó, ông còn đi sâu vào giá trị trong tám lĩnh vực: đạo đức, tôn giáo, khoa học, kinh tế học, chính trị, pháp luật và tập tục. Hàm nghĩa giá trị với ý nghĩa thoả mãn nhu cầu của con người chỉ là theo nghĩa hẹp. Vì nó chỉ có nghĩa theo sự thoả mãn nhu cầu của chủ thể tức là giá trị công cụ hay giá trị sử dụng của đối tượng trong quan hệ với con người. Trên thực tế theo nghĩa rộng, ngoài sự thoả mãn nhu cầu, giá trị còn hàm nghĩa sâu rộng hơn. Phần thoả mãn nhu cầu nào đó của con người được coi là hàm nghĩa cơ bản và đó mới chỉ là phần giá trị sử dụng. Phần hàm nghĩa sâu sắc của giá trị là đặc tính ưu việt, là giá trị bên trong của sự vật, hiện tượng.

Bàn về giá trị bên trong, nhà triết học người Anh, G.E. Moore cho rằng, giá trị bên trong là khách quan, trên mức độ nào đó không dựa vào sự tồn tại của chủ thể, do thuộc tính của sự vật tự quyết định.

Nói về sự khác nhau của hai loại giá trị, H. Tetus cho rằng, giá trị bên trong là một loại giá trị tự đầy đủ, không cần nhờ vào vật bên ngoài mới có giá trị, bản thân nó đã tự hoàn thiện. Giá trị bên ngoài phải nhờ vào một sự vật khác để thu được giá trị bên trong của sự vật khác, hoặc bản thân nó có ích cho sự vật khác mới có giá trị.

Theo A.J. Barmen, giá trị bên trong là giá trị tự có trong bản thân một vật nào đó. Nếu vật nào đó tự nó có giá trị bên trong, khi định giá trị sẽ không cần nhờ vào một sự vật khác. Giá trị bên trong có trong vật có giá trị. Giá trị bên ngoài là thứ giá trị có được nhờ vào kết quả quan hệ với các sự vật khác. Nếu một thứ nào đó có giá trị bên ngoài thì giá trị này phải là từ sự vật khác đem đến. Theo ông, giá trị bên trong cùng tồn tại với giá trị sử dụng (giá trị công cụ). Ông chủ trương nếu không có đủ cả hai phương diện giá trị bên trong và giá trị sử dụng thì không tồn tại bất cứ sự vật nào. Có lúc giá trị bên trong giữ vai trò chủ yếu, có lúc giá trị sử dụng giữ vai trò chủ yếu, nhưng không có sự vật nào chỉ thuần túy có giá trị bên trong hoặc chỉ có thuần túy giá trị sử dụng.

Giáo sư B. Shashidhar người Ấn Độ đã viết: “Giá trị là mục tiêu cuối cùng của mọi ý định của chúng ta. Đó là những gì chúng ta lựa chọn và khẳng định bằng hành động nhất quán”.

Như vậy, để hiểu rõ khái niệm giá trị theo nghĩa rộng, ngoài ý nghĩa giá trị sử dụng làm thoả mãn một nhu cầu nào đó, chúng ta cần chú ý đến giá trị bên trong để hiểu rõ khái niệm giá trị ở tầng sâu hơn. Khái niệm giá trị bên trong được đề cập theo bốn phương diện sau:

Một là, giá trị bên trong không phải là giá trị công cụ (sử dụng), hàm nghĩa cụ thể là khi tự thân đối tượng là một loại mục đích nào đó thì nó có giá trị bên trong.

Hai là, giá trị bên trong của đối tượng là giá trị nói về các thuộc tính, các đặc trưng – tính chất bên trong của đối tượng.

Ba là, tính có sẵn của giá trị bên trong. Giá trị bên trong của sự vật không phải do loài người sáng tạo ra, cũng không phải do con người gán ghép cho, mà là do bản thân của đối tượng có sẵn, được sinh ra cùng với đối tượng, tồn tại cùng đối tượng và mất đi cùng đối tượng. Con người không thể quy định giá trị bên trong của đối tượng mà chỉ có thể sử dụng mà thôi. Trước khi sử dụng thì giá trị bên trong đã có rồi.

Bốn là, giá trị bên trong là giá trị khách quan, không tùy thuộc vào sự đánh giá của người bình luận. Mặc cho mọi người đánh giá bình luận như, thử nghiệm như thế nào, kể cả nhận thức, thái độ, thị hiếu hoặc

kinh nghiệm phán đoán của người phán đoán ra sao thì giá trị bên trong vẫn được sinh ra theo logic tự nhiên và sinh ra một cách tất nhiên. Do đó, giá trị bên trong là khách quan.

Giá trị bên trong là giá trị tự cô của giới tự nhiên, không phụ thuộc vào sự đánh giá của con người. Điều này có nghĩa là, giá trị của tự nhiên không chỉ là giá trị đối với các sinh mệnh khác mà còn có giá trị đối với bản thân giới tự nhiên để tự sinh tồn và phát triển.

Khi bàn đến khái niệm giá trị, V.P. Tugarinov – nhà khoa học người Nga đã cho rằng: “Giá trị là những khách thể, những hiện tượng và những thuộc tính của chúng, những cái cần thiết cho con người (tất yếu, có lợi, hứng thú...) của một xã hội hay một nhóm nào đó cũng như một cá nhân riêng lẻ, với tư cách là phương tiện thoả mãn những nhu cầu và lợi ích của họ, đồng thời cũng là những tư tưởng và những ý định với tư cách là chuẩn mực, mục đích hay lí tưởng”⁽¹⁾.

Trong Từ điển Triết học, nhà triết học Liên Xô M.M. Rozentan đã viết: “Giá trị – những định nghĩa về mặt xã hội của khách thể trong thế giới chung quanh, nhằm nêu bật tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của các khách thể ấy đối với con người và xã hội (cái lợi, thiện và ác, cái đẹp, cái xấu nằm trong những hiện tượng của đời sống xã hội hoặc tự nhiên)”⁽²⁾.

- John Maciology (Mĩ) cho rằng: “Giá trị là những quy chuẩn mà qua đó một thành viên của một nền văn hoá xác định điều gì là đáng mong muốn, điều gì không đáng mong muốn, điều gì là tốt hay dở, điều gì là đẹp hay xấu”⁽³⁾.
- Trên cơ sở những quan điểm mácxít, các nhà nghiên cứu ở Viện Lịch sử kinh điển Leipzig (Đức) đã nêu định nghĩa về giá trị: “Giá trị như là điểm tích tụ về tư tưởng của một giai cấp, hoặc của một chế độ xã hội nhất định. Do đó trong nhiều trường hợp, giá trị thể hiện một cách lịch sử cụ thể các mục tiêu, quy tắc, lí tưởng về lợi ích xã hội, các yêu cầu của một chế độ xã hội và của một giai cấp nhất định. Do đó, trong nhiều trường

¹ Chuyển dẫn từ Báo cáo khoa học giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, học sinh trung học chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1998.

² M.M. Rozentan, *Từ điển Triết học*, NXB Tiến bộ Mátxcova và NXB Sự thật, Hà Nội, 1988, tr.208.

³ Đặng Cảnh Khanh, *Xã hội học Thanh niên*, NXB Chính trị Quốc gia, tr.371.

hợp, giá trị là định hướng phát triển cơ bản của đời sống tinh thần nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định”.

- Tác giả Trần Trọng Thủy cho rằng: “Giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng chuẩn mực, mục đích, lí tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội được con người tạo ra hoặc không được con người tạo ra, nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và phát triển cá nhân con người”¹.
- Tác giả Lê Đức Phúc cho rằng: “Giá trị là cái có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể – khách thể được đánh giá xuất phát từ điều kiện lịch sử, xã hội thực tế và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá, lựa chọn, giá trị trở nên động lực thúc đẩy con người theo một xu hướng nhất định”².

Nói đến giá trị, chúng ta có thể phân tích rõ hơn về nội hàm của khái niệm đó như sau:

Thứ nhất, giá trị là ý nghĩa của những hiện tượng tinh thần có khả năng thoả mãn những nhu cầu tích cực của con người và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Thứ hai, giá trị bao gồm các yếu tố nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn, đánh giá của chủ thể.

Thứ ba, giá trị được xác định trong mối quan hệ thực tiễn với con người, được xác định bởi sự đánh giá đúng đắn của con người, xuất phát từ thực tiễn và được kiểm nghiệm qua thực tiễn.

Thứ tư, giá trị luôn mang tính lịch sử khách quan, nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của một giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức con người mà nó phụ thuộc vào sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của một nhu cầu nào đó của con người do yêu cầu của thực tiễn, trong đó có con người sống và hoạt động.

¹. Trần Trọng Thủy, “Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách”, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục số 7, 1993, tr 1 - 5.

². Lê Đức Phúc, Giá trị và định hướng giá trị, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 1992

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, cùng một hành vi ứng xử, một thái độ biểu hiện... có thể có giá trị đối với cá nhân, cộng đồng này nhưng lại không có giá trị đối với cá nhân, cộng đồng khác, hoặc có giá trị trong điều kiện lịch sử này nhưng lại không có giá trị trong điều kiện lịch sử khác, hoặc có những giá trị ở dạng tiềm ẩn của sự vật hiện tượng mà con người chưa khám phá được. Do đó, cần hiểu đúng rằng, giá trị là *ý nghĩa tích cực* của các quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử... chứ không phải là bản thân các quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử... Do đó, tất cả các *các quan hệ, thái độ, hành vi ứng xử...* chỉ có giá trị khi nó có ý nghĩa tích cực với con người và được con người đánh giá, thừa nhận. Nói cách khác, "... Người ta thật khó hình dung có hành vi nào hay sự biến cố nào xảy ra trong đời sống xã hội mà lại không mang một đơn vị giá trị đối với con người. Bất cứ cái gì cũng có thể và cần phải được thẩm định về mặt giá trị"¹.

3. BÀI TẬP

Anh/ chị hãy chỉ ra một số giá trị truyền thống của Việt Nam.

Hoạt động 2: Phân tích và thảo luận về định hướng giá trị, tại sao phải định hướng giá trị cho HS.

1. NHIỆM VỤ

- Anh/ chị hãy đọc tài liệu dưới đây và thảo luận về định hướng giá trị.
- Anh/ chị hãy đọc tài liệu dưới đây và thảo luận tại sao phải định hướng giá trị cho HS.

¹ Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sĩ Quý (chủ biên), *Tìm hiểu giá trị truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.11-12.

2. THÔNG TIN

* Định hướng giá trị:

Khái niệm định hướng giá trị được định nghĩa theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Dưới đây là một số hướng tiếp cận phổ biến.

- *Hướng thứ nhất* được sử dụng trong *Từ điển Bách khoa toàn thư Xô viết*, xem xét định hướng giá trị như là cơ sở của các đánh giá của chủ thể đối với thực tại. Theo đó, “Định hướng giá trị” là:
 - + Cơ sở tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ giúp chủ thể đánh giá thực tại xung quanh và định hướng trong thực tại đó.
 - + Phương pháp phân loại các khách thể của cá nhân theo giá trị của chúng. Định hướng giá trị hình thành thông qua sự chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội và thể hiện trong các mục đích, tư tưởng, chính kiến, ham muốn... của nhân cách. Trong cấu trúc hoạt động của con người, định hướng giá trị gắn liền các đặc điểm nhận thức và ý chí của nhân cách. Hệ thống định hướng giá trị tạo thành nội dung xu hướng của nhân cách và là cơ sở bền vững của các mối quan hệ giữa cá nhân với thực tại¹.
- *Hướng thứ hai* xem xét định hướng giá trị với tư cách là một thành tố trong cơ cấu nhân cách là cái điều chỉnh hành vi của con người, cho rằng: “Định hướng giá trị là một trong những biến đổi rõ nét của đặc trưng xu hướng nhân cách và có ý nghĩa hướng dẫn hoạt động của con người. Nó mang đậm nét tính xã hội - lịch sử chung của cộng đồng, nét riêng của từng dân tộc, những nét đặc thù của nhóm xã hội, nhóm lứa tuổi, giới nghề nghiệp, tôn giáo, địa phương khác nhau”².
- *Hướng thứ ba* tiếp cận định hướng giá trị như là thái độ của cá nhân: “Định hướng giá trị là thái độ lựa chọn của con người đối với các giá trị vật chất và tinh thần; là một hệ thống tâm thế, niềm tin, sở thích được biểu hiện trong hành vi của con người. Đó cũng là năng lực của ý thức, nhận thức và đánh giá các hoạt động và các sản phẩm xã hội khác nhau”³.

¹ *Từ điển Bách khoa Xô viết*, Nguyễn Thế Hùng dịch, NXB Sự thật 1971, tr 164.

² Phạm Minh Hạc, *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá* (Nghiên cứu Xã hội học), NXB Chính trị Quốc gia, 1996, tr 122, 123.

³ Lê Đức Phúc, *Giá trị và định hướng giá trị*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 1992.

- *Hướng thứ tư* “Định hướng giá trị – định hướng của một cá nhân hay một nhóm xã hội tới hệ thống các giá trị này hay giá trị khác, trong đó các hiện tượng vật chất và tinh thần, xuất hiện với tư cách giá trị, có khả năng thoả mãn các nhu cầu và lợi ích của họ”¹.
- *Hướng thứ năm tiếp* cận giá trị theo quan hệ hai chiều giữa tính khách quan và chủ quan của giá trị. Đại diện cho hướng tiếp cận này là H. Rickert (1863 – 1936). Ông cho rằng: “Các giá trị là những lí tưởng, những thực tại lí tưởng có ảnh hưởng điều khiển và chuẩn hoá hành vi của con người.”

Định hướng giá trị có thể xem là động lực thúc đẩy con người hướng tới những giá trị. Việc cá nhân hướng vào những giá trị này hay những giá trị khác tạo nên định hướng giá trị của họ. Mỗi cá nhân hành xử với các chuẩn mực xã hội là những định hướng giá trị của họ. Cụ thể là cá nhân tiến hành lựa chọn các giá trị, chuẩn bị tâm thế, niềm tin để hiện thực hoá các giá trị của họ bằng những hành vi cụ thể. Định hướng giá trị không chỉ là quá trình nhận thức mà còn là quá trình hành động, điều chỉnh hành vi theo giá trị. Như vậy, định hướng giá trị bao hàm hai nội dung: một là, sự lựa chọn một giá trị hay hệ giá trị của cá nhân hay cộng đồng; hai là, giáo dục những giá trị cho cộng đồng, cá nhân. Định hướng giá trị có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với gia đình, xã hội và nhà trường.

* **Phải định hướng giá trị vì:**

Giá trị là cái mà con người dựa vào để xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động cho mình. Giá trị là cơ sở để đánh giá thái độ hành vi đúng sai, nên có và không nên có của con người. Giá trị trở thành cơ sở của các chuẩn mực, quy tắc xác định cách thức hành động, điều chỉnh hành vi của mình trong một lĩnh vực nào đó. Mỗi người đều phải dựa vào các giá trị xã hội được chấp thuận để lựa chọn cách thức suy nghĩ và hành động phù hợp nhất.

Các giá trị làm hình thành động cơ, thái độ, quyết tâm và sức mạnh giúp con người vượt qua khó khăn, vươn tới mục đích, thúc đẩy hoạt động con người. Cho nên “nói đến giá trị là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với

¹ Chuyển dẫn từ *Báo cáo khoa học giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trường học chuyên nghiệp* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1998.

cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp; là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người nỗ lực hành động và nỗ lực vươn tới”.¹

Giá trị chính là hệ thống các chuẩn mực, tiêu chuẩn nhằm định hướng cho việc đánh giá sự phát triển các mặt của đời sống xã hội. Hệ thống giá trị được thể hiện ở hệ chuẩn mực cơ bản, bao hàm những định chuẩn phổ quát chứa đựng tính quy định, tính thông tin như một phương tiện giao tiếp chứa các tín hiệu mà thể chế, cộng đồng yêu cầu, đòi hỏi cá nhân phải chấp nhận tự phát hay tự giác. Hệ chuẩn mực lớn này đan kết nhau định hướng, kiểm tra các hành vi cá nhân, các nhóm xã hội, xác định các mẫu mực, các mô hình chi phối các mục tiêu, các giới hạn, các hình thức ứng xử tạo nên diện mạo tương đối ổn định của đời sống văn hoá xã hội.

Giá trị có tính định hướng, tức là giá trị có vai trò dẫn dắt, điều chỉnh hành vi của con người. Vì vậy, định hướng giá trị là một yêu cầu tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Một điều cần lưu ý là, các giá trị không phải là thứ nhất thành bất biến, khi xem xét giá trị với tư cách là yếu tố định hướng cho các hoạt động của chủ thể cần thiết phải nhấn mạnh đến hoàn cảnh cụ thể, tính khách quan của giá trị. Ví dụ: trong phong tục truyền thống cũng như văn hoá ứng xử trong tình yêu lứa đôi, vấn đề trinh tiết của người phụ nữ luôn được xem trọng. Nó được xem như một chuẩn mực để đánh giá tư cách đạo đức, phẩm giá của một người phụ nữ trước và sau khi kết hôn. Tuy nhiên, nhìn nhận vấn đề này một cách khách quan, cụ thể trong các quan niệm thì không phải ai cũng nhận thức như nhau. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã rất khéo léo dẫn dắt các quan niệm khác nhau về vấn đề trinh tiết trong nhận thức của Thuý Kiều, rồi Kim Trọng. Khi Kiều mới gặp Kim Trọng, lúc hai người đang rất tâm đầu ý hợp, Kim Trọng đã cảm thấy: “*Sông tình đường đã xiêu xiêu, Xem trong âu yếm có chiều lá loi*”. Là người con gái của gia đình cô gia phong nề nếp, Thuý Kiều đã nhẹ nhàng trách khéo Kim Trọng, nói rõ quan điểm của mình, nàng muốn giữ tấm thân trong trắng trước lễ vu quy, coi thường những người phụ nữ thất tiết:

¹ Nguyễn Trọng Chuẩn, *Một số vấn đề triết học - con người - xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 752-753.

*Thua rằng, đừng lấy làm chơi,
Để cho thua hết một lời đã nao.
Về chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh.
Đã cho vào bệc Bó kính,
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tường trên bệc trong dàu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!*

Nhưng quan điểm của nàng đã thay đổi, khi nàng tình nguyện bán mình chuộc cha: “*Biết thân đến bước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung*”. Đứng trước biến động của cuộc đời, quan điểm luân lý của Kiều đã thay đổi. Nhưng không phải vì sự thay đổi này mà Kiều mất đi phẩm giá của người con gái.

Sau 15 năm lưu lạc rồi được đoàn tụ với gia đình, gặp lại Kim Trọng, trong tâm thức Kiều lúc này chỉ còn tình với Kim Trọng và hiếu với cha mẹ. Nhưng đây là thứ tình thuần khiết, bởi một thực tế phũ phàng là:

*... Thiếp từ ngộ biến tới giờ,
Ông qua bướm lại đã thua xấu xa.
... Còn chi là cái hồng nhan,
Đã xong thân thể còn toan nỗi nào.
Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
Dám đem trần cấu dụ vào Bó kính!*

Cho nên, tình yêu của Thúy Kiều đối với Kim Trọng đến lúc này là thứ tình yêu không nhục dục, và theo nàng, đó là sự tôn trọng tối thiểu nàng muốn Kim Trọng dành cho mình. Đó cũng là quan điểm trinh tiết của Kiều đến thời điểm này:

*Chữ trinh còn một chút này
Chẳng cầm cho văng lại dàu cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan
Hay gì vẫy cánh hoa tàn mà chơi.*

Quan điểm của Kiều là nhất quán, trung trinh với người mình yêu, mặc dù thể xác có thể bị đày đoạ, dày vò, nhưng với Kiều điều đó không đáng gì bằng sự tôn trọng bản thân mà Kiều đòi hỏi ở Kim Trọng.

Đối với Kim Trọng, cũng là một người có xuất thân truyền thống gia giáo, học hành, chàng lại có quan điểm rất quảng đại:

*Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kính.
Nhu nường lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
... Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.*

Qua lời Kim Trọng, Nguyễn Du đã nói rõ quan điểm của mình về vấn đề trinh tiết. “*Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường; Có khi biến có khi thường; Có quyền nào phải một đường chấp kính.*” ... là những câu tuyệt hay về định hướng một giá trị rất quan trọng trong hệ giá trị truyền thống Việt Nam.

Cũng cần phân biệt giá trị với một số khái niệm khác có liên quan như: nhu cầu, động cơ.

3. BÀI TẬP

a) Anh/ chị hãy phân tích để chỉ ra sự khác biệt giữa giá trị với nhu cầu.

b) Anh/ chị hãy phân tích để chỉ ra sự khác biệt giữa giá trị với động cơ.

Hoạt động 3: Tìm hiểu các khái niệm: hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Anh/ chị hãy thảo luận và rút ra khái niệm hệ thống về hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị.

2. THÔNG TIN

- * Hệ giá trị (hệ thống giá trị) là một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp, hệ thống lại theo những nguyên tắc nhất định thành một tập hợp mang tính toàn vẹn, hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá của con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị.
- Thông thường một hệ giá trị được mô tả như sau:
 - + Các thành phần của hệ giá trị đó.
 - + Các mối quan hệ giữa các thành phần.
 - + Chức năng chung của chúng.
- Ví dụ: UNESCO đưa ra hệ thống giá trị gồm bốn nhóm:
 - + Nhóm 1: Các giá trị cốt lõi: hoà bình, tự do, việc làm, gia đình, sức khoẻ, an ninh, tự trọng, công lí, tình nghĩa.
 - + Nhóm 2: Các giá trị cơ bản: sáng tạo, tình yêu, chân lí.
 - + Nhóm 3: Các giá trị có ý nghĩa: giàu sang, cái đẹp.
 - + Nhóm 4: Các giá trị không đặc trưng: địa vị xã hội...
- Hệ giá trị luôn mang tính lịch sử. Trong hệ giá trị có chứa đựng các nhân tố của quá khứ, của hiện tại và cả những nhân tố có thể có trong tương lai, các giá trị truyền thống, các giá trị thời đại, các giá trị có tính nhân loại, các giá trị có tính dân tộc, các giá trị có tính cộng đồng, tính giai cấp, các giá trị có tính lí tưởng và tính hiện thực... Ví dụ: Hệ giá trị truyền thống Việt Nam còn được lưu giữ đến ngày nay bao gồm: yêu nước, đoàn kết, cần cù, anh hùng, yêu gia đình, làng xóm, hiếu học.¹
- * Thang giá trị (thước đo giá trị) là trật tự ưu tiên của các giá trị trong một hệ giá trị. Ví dụ, nhà nông Việt Nam đưa ra thang giá trị: nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

¹ Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Những giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.110.

- Thang giá trị được hình thành, thay đổi theo thời gian cùng với sự phát triển, biến đổi của xã hội loài người, của dân tộc, của cộng đồng, của từng cá nhân. Ví dụ, trước đây, răng đen là một giá trị trong hệ giá trị về cái đẹp của người phụ nữ Việt Nam:

Năm quan mua lấy miệng cười.

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Hoặc:

Răng đen ai nhuộm cho mình.

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Nhưng giá trị đó ở thời hiện đại cũng đã có sự thay đổi, giờ đây răng trắng muốt mới là răng đẹp. Tuy vậy, cũng có hệ giá trị khá bền vững với thời gian như: công – dung – ngôn – hạnh.

- Thang giá trị là cơ sở nhận thức và đánh giá, lựa chọn và chấp nhận các giá trị, được con người vận dụng trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội và tự nhiên. Ví dụ: ca dao xưa có câu: “Con ơi đừng học thói chua ngoa/ Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười”, “chua ngoa” là một giá trị tiêu cực, nên gia đình đã chỉ ra để người con nhận thức, đánh giá và có ứng xử với giá trị này.
- Thang giá trị là vấn đề có tính nhân loại, tính thời đại, tính dân tộc. Trong các giá trị sống cốt lõi¹ của nhân loại bao gồm: hòa bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, hạnh phúc, trách nhiệm, hợp tác, khiêm tốn, trung thực, giản dị, tự do, đoàn kết, thì hoà bình là giá trị được xếp thứ nhất bởi hoà bình trong lịch sử nhân loại luôn là yếu tố được mọi người dân tiến bộ mong muốn nhiều nhất.
- Thang giá trị của xã hội, của cộng đồng, của nhóm là hệ quy chiếu và thước đo giá trị của từng người. Trong lịch sử, khi miêu tả về cái đẹp thể chất của người phụ nữ, nhân dân ta đã xuất phát từ quan niệm rất lành mạnh: cái đẹp phải gắn với lao động, với thiên nhiên đất nước. “Cái đẹp chính là cuộc sống” (Tchernyshevski) Đó là cái đẹp khỏe mạnh, tươi tắn, bình dị, gần gũi, tự nhiên và gắn bó với cuộc sống lao động. Cho nên, các miêu tả cái đẹp, trong văn học dân gian như ca dao, tục ngữ cũng đưa các thang giá trị này để đánh giá về cái đẹp của người phụ nữ.

¹ Cũng gọi là giá trị phổ quát.

- Thang giá trị là một trong những nhân tố có vai trò quan trọng trong điều chỉnh hành vi của con người. Trong một chừng mực nào đó, hành vi của con người được vận hành trong những thang giá trị đã được gia đình, nhà trường, xã hội trang bị từ nhỏ. Ngược lại, trong quá trình sống, học tập, lao động, con người tự có nhu cầu khẳng định, củng cố, phát huy, bổ sung, hoàn thiện hoặc thay đổi thang giá trị. Thông thường, khi trưởng thành, mỗi con người đều có lựa chọn cho mình hệ giá trị và thang giá trị riêng.
- * Chuẩn giá trị là việc xây dựng các giá trị theo các chuẩn mực nhất định về kinh tế, chính trị, đạo đức, xã hội, thẩm mỹ.
- Giá trị chuẩn: Trong hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trình tự nhất định, một thứ tự ưu tiên có những giá trị giữ vị trí là giá trị cốt lõi, chuẩn mực chung cho nhiều người, chiếm vị trí cao hoặc then chốt gọi là giá trị chuẩn. Ví dụ: Chuẩn giá trị về cái đẹp người phụ nữ trong mắt của một chàng trai khi yêu:

Mười giá trị chuẩn	Mười giá trị lệch chuẩn
<i>Một thương tóc bỏ đuôi gà.</i>	<i>Một yêu mắt toét ba vành.</i>
<i>Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.</i>	<i>Hai yêu miệng nói cười tình hơn ma.</i>
<i>Ba thương má lúm đồng tiền.</i>	<i>Ba yêu cái bộ răng hà.</i>
<i>Bốn thương răng lảnh hạt huyền kém thua.</i>	<i>Bốn yêu miệng nói tựa hồ lợn kêu.</i>
<i>Năm thương cổ yếm đeo bùa.</i>	<i>Năm yêu cái tính chúa điều.</i>
<i>Sáu thương nón thương quai tua dậu dềng.</i>	<i>Sáu yêu com ít quà nhiều cũng no.</i>
<i>Bảy thương nét ở khôn ngoan.</i>	<i>Bảy yêu ngủ ngáy như bò.</i>
<i>Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh.</i>	<i>Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày.</i>
<i>Chín thương cô ở một mình.</i>	<i>Tám yêu con mắt liếc trai.</i>
<i>Mười thương con mắt có tình với ai.</i>	<i>Chín yêu tài ngủ suốt đời dậy trưa.</i>
	<i>Lại còn cái thối chanh chua.</i>
	<i>Mười yêu đẹp quá chẳng vừa mắt ai.</i>

Theo nhà giáo dục T. Makiguchi: “Đặt đối tượng lên *bàn cân thiện – ác* ta đo giá trị đạo đức của nó, đặt lên *bàn cân lợi – hại, lời – lỗ* ta xác định được giá trị kinh tế của nó, trên *bàn cân đẹp xấu* đối tượng đó lại được đo lường về giá trị mỹ học. Tất cả đều do tiêu chuẩn đánh giá quyết định.”

3. Bài tập

a) Anh/ chị hãy cho một ví dụ về hệ giá trị và phân tích cấu trúc của nó.

c) Anh/ chị hãy cho một ví dụ về thang giá trị và phân tích cấu trúc của nó.

d) Anh/ chị hãy cho một ví dụ về chuẩn giá trị và phân tích cấu trúc của nó.

NỘI DUNG 2

PHÂN LOẠI VÀ QUAN HỆ GIỮA CÁC GIÁ TRỊ

Hoạt động 1: Tìm hiểu việc phân loại giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích cơ sở để phân loại các giá trị.

2. THÔNG TIN

Người ta có thể phân biệt con người với con vật theo nhiều cách khác nhau.

- Thời cổ đại, chân – thiện – mỹ là ba giá trị nền tảng của văn minh Hi – La, sau trở thành phổ quát của thế giới phương Tây. Trong đó, “chân” thuộc lĩnh vực của khoa học nhận thức, “thiện” thuộc lĩnh vực đạo đức học. Còn, “mỹ” thuộc lĩnh vực mỹ học. Khoa học nhận thức giúp con người phân biệt được cái đúng – cái sai, cái thật – cái giả... Đạo đức học giúp con người phân biệt được cái thiện – cái ác, cái xấu – cái tốt... Mỹ học giúp con người phân biệt được cái đẹp – cái xấu, cái cao cả – cái thấp hèn...

Đến thời hiện đại, bên cạnh những giá trị phổ quát đó, mỗi quốc gia đều xây dựng cho riêng mình một hệ giá trị riêng. Chẳng hạn, trong cách mạng tư sản, nước Pháp đề cao các giá trị: tự do, bình đẳng, bác ái... Trong khi đó, ở Trung Quốc và một số nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc thời cổ đại, bảng giá trị có phần phong phú hơn. Bảng giá trị về các nhu cầu của con người có ngũ phúc (phúc, lộc, thọ, Khang, ninh), sau này rút gọn thành tam đa (phúc, lộc, thọ); còn bảng giá trị về nhân cách của người quân tử gồm ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). Tuy nhiên, thời hiện đại, bảng giá trị này đã có thay đổi. Chẳng hạn, ở Nhật Bản là: thiện, ích, mỹ; ở Singapor là: quốc gia trên hết, gia đình là gốc, đề cao cá nhân, tôn giáo khoan dung, dân tộc hài hoà... Ở Việt Nam, GS. Trần Văn Giàu đã đưa ra bảng giá trị của dân tộc Việt Nam gồm: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa¹.

¹ Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980.

- Theo góc độ giá trị, Mark Lilla, nhà triết học Mỹ, đã phân biệt bằng bốn giá trị: lí trí, danh dự, phẩm giá, đạo đức. Còn F.M. Wuketits (Áo), lại đề cao vai trò của ý thức, bao gồm cả tự ý thức.
- Các hệ giá trị tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, địa lí, xã hội, môi trường... khác nhau, tạo nên các cơ sở phân chia khác nhau.
- + Theo phương pháp tiếp cận hệ thống, giá trị có thể được phân loại theo cấp độ:
 - Hệ giá trị phổ quát của nhân loại.
 - Hệ giá trị của xã hội hiện đại.
 - Hệ giá trị của xã hội thời kì quá độ.
 - Hệ giá trị của các thành phần theo cơ cấu xã hội.
 - Hệ giá trị của nhóm...
- + Cũng có thể chia theo một cách khác:
 - Hệ giá trị phổ quát của toàn nhân loại.
 - Hệ giá trị khu vực (phương Đông, phương Tây).
 - Hệ giá trị của các hình thái kinh tế xã hội (phong kiến, tư bản, xã hội chủ nghĩa...).
 - Hệ giá trị dân tộc.
 - Hệ giá trị thời đại.
- + Tác giả Đoàn Văn Chúc và Hoàng Vinh căn cứ vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống con người mà chia giá trị thành lĩnh vực, kiểu loại. Đoàn Văn Chúc chia giá trị thành 5 loại:
 - Giá trị thuộc phẩm chất tự nhiên, tức là sự tương tác giữa con người với tự nhiên để tạo ra những ước muốn của con người, như khoẻ mạnh, sống lâu...
 - Giá trị thuộc về trật tự kinh tế, như tam đa, ngũ phúc...
 - Giá trị thuộc về trật tự tâm linh, tức là vũ trụ quan, nhân sinh quan theo triết học phương Đông.
 - Giá trị thuộc trật tự đạo đức.

- Giá trị thuộc về trật tự thẩm mỹ.¹
- + Tác giả Hoàng Vinh chia giá trị thành các lĩnh vực:
 1. Giá trị thuộc về lĩnh vực tự nhiên.
 2. Giá trị thuộc về lĩnh vực kinh tế.
 3. Giá trị thuộc về lĩnh vực tri thức.
 4. Giá trị thuộc về lĩnh vực chính trị.
 5. Giá trị thuộc về lĩnh vực thẩm mỹ.
 6. Giá trị thuộc về lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng²...
- Liên quan đến việc phân loại các giá trị, cũng cần đề cập đến khái niệm cấu trúc giá trị. Cấu trúc giá trị được xác định theo bộ khung các quan niệm về cấu trúc nhân cách³ của cá nhân hay cấu trúc của xã hội. Các quan niệm về cá nhân hay xã hội như thế nào thì sẽ xác định cấu trúc giá trị tương ứng như thế ấy. Tác giả Mạc Văn Trang, Lê Đức Phúc đã tổng hợp được một số cấu trúc như sau:
 - + Cấu trúc theo các bình diện của cuộc sống (theo Alvin Toffler trong *Làn sóng thứ ba*):
 - Bình diện kĩ thuật.
 - Bình diện thông tin.
 - Bình diện xã hội.
 - Bình diện tâm lí.
 - + Cấu trúc theo các mặt của con người (Theo *Values Education for the filippino*):
 - Giá trị kinh tế.

¹ Đoàn Văn Chúc, *Xã hội học văn hoá*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997.

² Hoàng Vinh, *Những vấn đề văn hoá trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000.

³ Cấu trúc nhân cách chỉ các bộ phận cấu thành nhân cách và hệ thống các mối quan hệ giữa chúng. Mỗi lí thuyết về nhân cách có một cấu trúc nhân cách. Về mặt ví dụ, cấu trúc nhân cách gồm ba cấp độ: nội cá nhân (trong một người), liên cá nhân (giữa người này với người kia) và siêu cá nhân (cấp độ xã hội). Cấp độ 1, cấu trúc nhân cách gồm hai mặt là phẩm chất (đức) và năng lực (tài) gắn bó với nhau, có thể hỗ trợ nhau hay ngược lại. Cấp độ 2 và 3, vận hành trên cơ sở xã hội ngoài cá nhân. Có thể coi cấu trúc nhân cách gồm 4 thuộc tính (xu hướng tính cách, khí chất, năng lực); 3 yếu tố (nhân, trí, dũng); 4 mặt (trí, đức, thể, mỹ)...

- Giá trị xã hội.
- Giá trị thể chất.
- Giá trị tinh thần.
- Giá trị tri thức.
- Giá trị đạo đức.
- Giá trị chính trị.

Mỗi giá trị cơ bản nói trên lại bao gồm và biểu hiện ra hàng loạt các giá trị cụ thể trong thực tiễn đời sống.

+ Cấu trúc theo các mặt hoạt động, sinh sống (theo H.D. Schmidt trong *Phác thảo về tâm lí học nhân cách*):

- Sản xuất.
- Tiêu dùng.
- Giao thông.
- Chỗ ở, sinh hoạt gia đình.
- Phạm vi thời gian nhàn rỗi.

– Mỗi quốc gia lại có quan niệm về cấu trúc giá trị của riêng mình. Chẳng hạn, các giá trị thể hiện nền dân chủ của Thụy Điển là:

- Công bằng.
- Hợp tác.
- Đoàn kết.
- Hoà bình.
- Tự do.
- An toàn xã hội.
- Đùm bọc, che chở lẫn nhau.

– Mỗi khi lịch sử xã hội loài người có những biến động lớn, người ta lại phải xây dựng những giá trị, hệ giá trị mới, tạo ra những chuẩn mực xã hội mới từ đó để mọi người hành động theo. Một số giá trị không còn phù hợp với điều kiện lịch sử mới sẽ bị loại bỏ ra khỏi cuộc sống. Ví dụ:

“trung quân – trung với vua” là một giá trị của thời phong kiến, không còn phù hợp với thời hiện đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay đổi giá trị này thành “trung với nước”, rất phù hợp với hoàn cảnh lịch sử. Như vậy, việc xác định giá trị phải căn cứ theo nguyên tắc logic và lịch sử cụ thể, đặt giá trị vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, không gian văn hoá cụ thể và chủ thể lịch sử cụ thể. Như vậy, căn cứ vào cấu trúc xã hội, cấu trúc nhân cách; căn cứ vào nguyên tắc logic – lịch sử, có thể có cách phân chia giá trị theo những hệ như sau:

- + Hệ giá trị truyền thống – giá trị hiện đại.
- + Hệ giá trị phổ quát – giá trị cục bộ.
- + Hệ giá trị dân tộc – giá trị toàn cầu.
- + Hệ giá trị cá nhân – giá trị xã hội...

Trong mỗi hệ giá trị đó, bao hàm những cấp độ giá trị nhỏ hơn.

2. BÀI TẬP

a) Căn cứ phân loại các giá trị là gì?

b) Theo anh/ chị hệ giá trị của người Việt Nam hiện nay gồm những giá trị nào?

Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa các giá trị.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích mối quan hệ giữa các giá trị.

2. THÔNG TIN

- * Các giá trị tồn tại không độc lập, tách rời nhau mà chúng tồn tại trong quan hệ hữu cơ với nhau. Quan hệ giữa các giá trị do quan hệ bên trong của cấu trúc nhân cách, cấu trúc xã hội quy định, yếu tố nọ ràng buộc yếu tố kia, không có yếu tố nào tách rời yếu tố nào. Ví dụ, chuẩn mực về cái đẹp của người phụ nữ vẫn luôn là: *"Phận gái tú đức vẹn toàn: dung, công, ngôn, hạnh giữ gìn chớ sai."*. Một giá trị bị phá bỏ, có khi kéo theo sự phá bỏ cả hệ giá trị.
- * Các giá trị quan hệ với nhau theo kết cấu ngang và kết cấu dọc. Giá trị truyền thống không thể tách rời giá trị hiện đại, giá trị tinh thần không thể tách rời các giá trị vật chất, giá trị phổ quát không thể tách rời giá trị cục bộ, giá trị dân tộc không thể tách rời các giá trị toàn cầu...
- * Có nhiều cách phân loại khác nhau tùy theo mục đích tiếp cận:
 - Trong *Sự tận cùng của triết học*, Mark Lilla (Mĩ) đã nêu lên bốn giá trị: lý trí, tình cảm, vinh dự, phẩm chất đạo đức. Đó là những giá trị phân biệt con người với con vật.
 - J.H. Fichter (Mĩ) dùng 3 căn cứ để phân loại giá trị:
 - + Nhân cách;
 - + Xã hội;
 - + Văn hoá.
 - Theo M. Popon và J.R. William, căn cứ vào các giá trị chi phối hành vi như cơ thể, nhân cách, văn hoá và xã hội phân loại thành các giá trị như sau:
 - + Giá trị tồn tại sinh học;
 - + Các giá trị tính cách;
 - + Các giá trị văn hoá;
 - + Các giá trị xã hội.

- Theo cách tiếp cận hệ thống, có thể cấp độ hoá hệ giá trị theo các lát cắt sau:
- + Lát cắt thứ nhất:
 - Hệ giá trị phổ quát của nhân loại.
 - Hệ giá trị của xã hội hiện đại.
 - Hệ giá trị của xã hội thời kì quá độ.
 - Hệ giá trị các thành phần theo cơ cấu xã hội.
 - Hệ giá trị của nhóm.
- + Theo lát cắt khác:
 - Hệ giá trị phổ quát toàn nhân loại.
 - Hệ giá trị khu vực (phương Đông, phương Tây).
 - Hệ giá trị của hình thái kinh tế – xã hội (phong kiến, tư bản...)
 - Hệ giá trị dân tộc.
 - Hệ giá trị thời đại (thời đại phục hưng, thời hiện đại).
- Theo cấu trúc giá trị của nhân cách hay hệ giá trị của cá nhân hoặc xã hội:
- + Cấu trúc chia theo bình diện của cuộc sống:
 - Bình diện kĩ thuật.
 - Bình diện thông tin.
 - Bình diện xã hội.
 - Bình diện tâm lí.
- + Cấu trúc chia theo các mặt của con người:
 - Giá trị kinh tế.
 - Giá trị xã hội.
 - Giá trị thể chất.
 - Giá trị tinh thần.
 - Giá trị tri thức.
 - Giá trị đạo đức.
 - Giá trị chính trị.

+ Cấu trúc theo các mặt hoạt động, sinh sống:

- Sản xuất.
- Tiêu dùng.
- Giao thông.
- Chỗ ở, sinh hoạt gia đình.
- Thời gian rỗi.

[...]

Tóm lại, khi xem xét sự phân loại các giá trị, cần xác định mỗi giá trị trong một cấu trúc, một hệ thống có thứ bậc, đồng thời chú ý tính đa dạng trong các biểu hiện sinh động của từng giá trị.

Do vậy, giáo dục giá trị cần có cái nhìn toàn diện, cần có sự kết hợp giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, giá trị tinh thần với giá trị vật chất, giá trị phổ quát với giá trị cục bộ... Đồng thời, cũng cần nhìn thấy sự phát sinh, phát triển, tiêu vong của các giá trị trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

3. BÀI TẬP

Anh/ chị hãy phân tích hệ giá trị “tam tông, tứ đức” cho người phụ nữ xưa để chỉ ra những yếu tố tích cực, tiêu cực và quan hệ biện chứng giữa các giá trị đó.

NỘI DUNG 3

VAI TRÒ VÀ MỤC TIÊU GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu mục tiêu của giáo dục giá trị cho HS phổ thông.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích mục tiêu của giáo dục giá trị cho HS phổ thông.

2. THÔNG TIN

- * Theo GS. Phạm Minh Hạc, mục tiêu của giáo dục trong nhà trường phổ thông là truyền đạt cho HS:
 - Hiểu được giá trị của mỗi con người – của chính mình, từ đó có trách nhiệm với bản thân, với xã hội; thống nhất: nhận thức – thái độ – hành vi đối với mỗi giá trị.
 - Ý thức được giá trị cá thể gắn bó chặt chẽ với cộng đồng xã hội; tạo lập cuộc sống hài hoà trong các môi trường: gia đình, nhà trường, quốc gia, quốc tế.
 - Hình thành và phát triển hệ giá trị của mỗi người do bản thân tạo ra thông qua hoạt động và giao tiếp của chính mình với sự hỗ trợ của giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội;
 - Thể hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống. Nhà trường cần giúp HS tự chủ, tự tin, tự giác đối với việc quyết định và giải quyết vấn đề hiệu quả.
 - Phân biệt được các giá trị, đánh giá đúng giá trị của bản thân và của người khác.
- Để thực hiện được mục tiêu trên, điều quan trọng là bồi dưỡng cho HS THPT năng lực xác định giá trị.
- * Theo Hartman, năng lực xác định giá trị trong mỗi con người bao gồm:
 - *Đồng cảm*: năng lực thấy và đánh giá được đúng giá trị bên trong của người khác, tức là nhận thấy và chấp nhận người khác, có khả năng đặt mình vào vị trí của người khác;

- *Năng lực thực tiễn*: năng lực nhận thấy và đánh giá các giá trị vật chất, giá trị chức năng, tư duy thực tiễn và theo các tiêu chí chung; có tư duy so sánh, có năng lực nhận thấy điều đánh giá của các tổ chức xã hội và các chuẩn mực xã hội, các điều xã hội muốn;
- *Phân đoán hệ thống*: năng lực nhận thấy và đánh giá hệ thống, thứ tự, cấu trúc, sự thích hợp và uy tín; có tư duy lí luận, phân tích và cấu trúc, có tổ chức và kế hoạch, theo quy chuẩn của các nguyên tắc tổ chức.
- *Lòng tự tin*: năng lực nhìn nhận và đánh giá điều đáng giá và độc đáo của bản thân, chân chính, xác thực, lương thiện, đánh giá khả năng và hạn chế một cách thực chất.
- *Ý thức về vai trò của bản thân*: năng lực nhận thấy và đánh giá vị trí và chức năng của bản thân trong xã hội, bản thân có chức năng có ích, có đóng góp; cảm thấy sự tự tin rằng mình có thể và thực sự hoàn thành công việc, cảm thấy thoải mái khi có hành động đúng.
- *Năng lực xác định phương hướng của bản thân*: năng lực nhận thấy và đánh giá các ý tưởng và suy nghĩ trong bản thân; cảm thấy có nhiệm vụ, trung thành với cam kết đối với giá trị mình tin là đúng, kiên trì theo đuổi một phương hướng đã xác định¹.

3. BÀI TẬP

Theo anh/ chị, mục tiêu giáo dục giá trị của trường THPT hiện nay là gì?

¹ Xem Phạm Minh Hạc - Thái Duy Tuyên, *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kì đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.33.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của giáo dục giá trị cho HS phổ thông.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích ý nghĩa của giáo dục giá trị cho HS phổ thông.

2. THÔNG TIN

Bên cạnh việc học kiến thức, HS THPT cũng cần biết làm thế nào để ứng phó trước tình huống, quản lí cảm xúc, học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh; làm thế nào để giải quyết mâu thuẫn; làm thế nào để thể hiện bản thân một cách tích cực, lành mạnh. Đặc biệt, HS THPT cần nhận biết và có thể ứng phó tích cực nhất khi phải đối mặt trước những tình huống thử thách, của môi trường sống tiêu cực.

Muốn vậy, HS cần có nền tảng giá trị vững chắc. Không có nền tảng giá trị vững chắc, HS THPT sẽ không biết cách tôn trọng bản thân và người khác, không biết cách hợp tác, không biết cách xây dựng và duy trì tình đoàn kết, không biết cách thích ứng trước những đổi thay, hoặc có khi còn tỏ ra ích kỉ, ngạo mạn. Không có nền tảng giá trị vững chắc, HS THPT rất dễ bị ảnh hưởng bởi những giá trị vật chất, rồi sớm muộn cũng định hình chúng thành mục đích sống, đôi khi đưa đến những toan tính vị kỉ, lối sống thực dụng. Có nền tảng giá trị vững chắc, HS THPT sẽ không sa đà vào những thú vui vật chất tầm thường mà biết sống hướng thượng, biết hướng tới những giá trị nhân văn cao cả, tự cảm thấy bản thân có nghĩa vụ, có đủ khả năng tạo dựng một cuộc sống cho bản thân mình và thế giới xung quanh trở nên tốt đẹp hơn. Những giá trị tích cực là nền móng vững chắc giúp các em ổn định, vững vàng giữa những giông bão của cuộc đời. Nền tảng giá trị vững vàng, chắc chắn là động lực để khuyến khích các em khám phá, tìm hiểu và phát triển các giá trị cũng như những kĩ năng sống, thái độ sống, nhằm giúp họ phát huy hết tiềm năng sẵn có của mình.

Dạy HS THPT về giá trị đã khó, khuyến khích các em tự giác thực hành sống, học tập, lao động theo những giá trị đó còn khó hơn. Nếu chỉ dạy và thảo luận về giá trị thôi thì chưa đủ, cần trang bị cho các em có các kĩ năng để ứng dụng giá trị vào thực tế. Các em rất cần được trải nghiệm cảm giác tích cực có được từ giá trị, thấy được kết quả của hành vi ứng xử theo chuẩn giá trị.

Do vậy, GV cần động viên, khích lệ, ủng hộ, quan tâm tạo mọi điều kiện để các em có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của mình.

HS THPT là lứa tuổi rất ham tìm tòi, ham khám phá, ham thực hành. Đây là điều kiện thuận lợi để GV gợi mở, hướng dẫn các em ứng dụng những hành vi trên nền tảng giá trị vào cuộc sống, chia sẻ chúng với gia đình, xã hội.

Bên cạnh việc khuyến khích các em thường xuyên thực hành, ứng dụng các kĩ năng sống dựa trên những nền tảng giá trị đó để trải nghiệm, nhận thức các kết quả đối với bản thân và xã hội, cũng cần khuyến khích các em xem xét, đánh giá hành động của cá nhân này đối với cá nhân khác hoặc với cộng đồng.

3. BÀI TẬP

Theo anh/ chị, ý nghĩa giáo dục giá trị của trường THPT hiện nay là gì?

Hoạt động 3: Tìm hiểu nguyên tắc thực hiện giáo dục giá trị cho HS THPT.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích nguyên tắc thực hiện giáo dục giá trị cho HS THPT.

2. THÔNG TIN

Giá trị chỉ được hình thành thông qua các hoạt động xã hội, có sự tương tác giữa người với người. Thông qua các hoạt động xã hội, HS mới có cơ hội thể hiện giá trị của bản thân cũng như xem xét, đánh giá hành vi của người khác. Do vậy, để tổ chức giáo dục giá trị có hiệu quả, nhà trường cần tổ chức các hoạt động xã hội có tính tương tác cao. Giáo dục giá trị cần thực hiện ở nhiều môi trường khác nhau (như môi trường gia đình, nhà

trường, cộng đồng...) trong những thời điểm khác nhau và thực hiện càng sớm càng tốt. Người tổ chức giáo dục giá trị không nhất thiết là GV trên lớp mà có thể là thầy cô, bạn học, hay các thành viên khác trong cộng đồng.

Giá trị không chỉ được hình thành trong ý thức mà cần phải được trải nghiệm qua các tình huống thực tế. Thông qua các tình huống đa dạng, phức tạp trong thực tế mà HS được tham gia, các em mới có điều kiện trải nghiệm và hình thành rõ nét về các giá trị, từ đó điều chỉnh hành vi phù hợp với thực tế. Do vậy, GV cần tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ học sao cho HS có cơ hội thể hiện giá trị của bản thân, tự trải nghiệm, biết phân tích giá trị của bản thân và của người khác. Nói cách khác, tạo điều kiện để HS áp dụng những kiến thức, kỹ năng vào các tình huống có thực hoặc tình huống giả định trong cuộc sống.

Để hình thành hệ giá trị cho mỗi HS cần có một quá trình: nhận thức – hình thành thái độ – hành vi – nhận thức – hình thành thái độ – hành vi... Đó là một vòng tròn mà GV có thể tác động vào bất cứ vị trí nào để thay đổi nhận thức hoặc thay đổi hành vi hoặc thay đổi thái độ của HS.

Giáo dục giá trị nhằm giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực, tác động đến việc định hướng giá trị. Thay đổi giá trị, thái độ, hành vi của một người cũng giống như hình thành một thói quen mới, tập quán mới, là một quá trình khó khăn. Do vậy, tổ chức các hoạt động giáo dục cần diễn ra thường xuyên, liên tục, với nhiều phương pháp, kỹ thuật khác nhau nhằm khắc sâu trong nhận thức của HS cũng như duy trì thói quen mới. Khuyến khích, động viên, tạo động lực, ủng hộ những giá trị mới, hành vi mới, thái độ mới của HS là việc làm cần thiết.

3. BÀI TẬP

Theo anh/ chị, nguyên tắc thực hiện giáo dục giá trị của trường THPT hiện nay là gì?

NỘI DUNG 4

NỘI DUNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu giáo dục giá trị tại một số nước trên thế giới.

1. NHIỆM VỤ

Khái quát việc giáo dục giá trị tại một số nước tiêu biểu trên thế giới.

2. THÔNG TIN

- * Tại Anh, giáo dục giá trị tiến hành theo 5 bước: (1) đọc danh ngôn và suy nghĩ từng tuần; (2) tĩnh tâm suy nghĩ; (3) hát tốp ca; (4) kể chuyện; (5) hoạt động nhóm, trải nghiệm được chuyển hoá vào vốn giá trị của bản thân¹. Bộ Giáo dục Anh nhắc nhở các trường học phải dạy HS tôn trọng sự đa dạng các hệ giá trị, đặc biệt các giá trị: dân chủ, tự do, công lí, công bằng, dạy HS Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948, các giá trị của thời kì Khai sáng (lí trí, khoa học, sáng tạo, nhân quyền...).
- * Tại Mĩ, chiến lược giáo dục giá trị ở bậc phổ thông gồm những điểm chính như sau:
 - (1) Giáo dục con người toàn diện, tập trung vào tri thức, hành vi và tình cảm;
 - (2) Giới thiệu các tấm gương để HS suy nghĩ về các giá trị của họ;
 - (3) Sử dụng các tài liệu thích hợp;
 - (4) Thầy cô giáo tiếp xúc với HS chân thành, trong sáng, tin tưởng tất cả các em đều tiến bộ;
 - (5) Tôn trọng các em, chú ý ngôn ngữ giao tiếp với các em;
 - (6) Xây dựng không khí hoà thuận, giải quyết ổn thoả các xích mích nội bộ;
 - (7) Kịp thời khuyến khích việc làm tốt;
 - (8) Chính đốn, sửa sai lầm;
 - (9) Tổ chức hợp tác cùng làm một số việc, tham gia công tác xã hội;
 - (10) Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội;
 - (11) Dạy dỗ chú trọng không thuyết giáo;

¹ Phạm Minh Hạc, *Giá trị học - Cơ sở lí luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.187.

(12) Xây dựng 10 giá trị để các trường học tham khảo xây dựng hệ giá trị của trường: thương người, can đảm, lịch thiệp, chơi đẹp, lương thiện, tử tế, trung thành, nhẫn nại, lòng kính trọng và tinh thần trách nhiệm.¹

Từ chiến lược tổng thể này, từng bang, từng trường có thể cụ thể hoá chi tiết, lên chương trình hành động cho phù hợp với thực tế của mình. Chẳng hạn, Hội đồng giáo dục bang Georgia, Hoa Kỳ, đã soạn hệ giá trị bao gồm 26 giá trị: can đảm, yêu nước, tinh thần công dân, chính trực, lịch thiệp, kính trọng người khác, lễ độ, hợp tác, tự trọng – tự kiểm soát bản thân, nhã nhặn, thương người, khoan dung, chuyên cần, rộng lượng, đúng giờ, sạch sẽ, vui vẻ, tự hào về trường mình, bảo vệ môi trường, có tính sáng tạo, tôn trọng người sáng tạo, kiên trì, nhẫn nại, yêu thể thao, trung thành, đức hạnh...

* Tại Singapore, đầu năm học 2004 – 2005, Bộ Giáo dục công bố hệ giá trị của ngành, gồm các nội dung như sau:

- Sứ mệnh: phục vụ con em, cung cấp cho các em một nền giáo dục toàn diện, cân đối, phát triển hết tiềm năng, giáo dục các em thành những công dân tốt, có ý thức với gia đình, xã hội và đất nước.
- Tầm nhìn: xây dựng nhà trường tư duy, quốc gia độc lập, làm cho Singapore trở thành quốc gia tư duy và cam kết làm cho các công dân có khả năng đóng góp cho đất nước tiếp tục lớn mạnh, thịnh vượng. Hệ thống giáo dục mưu cầu giúp HS thành những người sáng tạo, học suốt đời và các nhà lãnh đạo có khả năng đổi thay.

Để thực hiện sứ mệnh và tầm nhìn đó, Bộ Giáo dục công bố hệ giá trị của ngành như sau:

- + Chính trực: lấy chính trực làm cơ sở – có tinh thần dũng cảm, đạo đức và thẳng thắn, nói và làm đúng đắn.
- + Con người: lấy con người làm trung tâm, phát huy những cái tốt của mọi người.
- + Học tập: đam mê học tập, lấy học tập làm đường đời, luôn sẵn sàng đón nhận tương lai.
- + Chất lượng: theo đuổi chất lượng – chúng ta sẽ tốt hơn là chúng ta có thể, cố gắng cải tiến mọi việc chúng ta làm.

¹ Phạm Minh Hạc, *Sổ đỏ*, tr.223.

Có thể thấy, giáo dục giá trị của Singapor đặt giáo dục đạo đức lên hàng đầu, con người là mục tiêu, học tập là biện pháp mang lại chất lượng.

Ngoài ra, các nước Đông Bắc Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc cũng có hệ giá trị riêng, chiến lược giáo dục giá trị riêng.

3. BÀI TẬP

Anh/ chị hãy nhận xét về việc giáo dục giá trị tại một số nước mà anh/ chị biết.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung giáo dục giá trị cho HS THPT tại Việt Nam.

1. NHIỆM VỤ

Phân tích nội dung giáo dục giá trị cho HS THPT tại Việt Nam.

2. THÔNG TIN

* 5 điều Bác Hồ dạy là những giá trị cốt lõi trong giáo dục giá trị cho HS THPT:

Điều 1: Yêu tổ quốc, yêu đồng bào.

Điều 2: Học tập tốt, lao động tốt.

Điều 3: Đoàn kết tốt, kỉ luật tốt.

Điều 4: Giữ gìn vệ sinh thật tốt.

Điều 5: Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Trong 5 điều Bác Hồ dạy đã bao gồm 10 giá trị: yêu tổ quốc, yêu đồng bào, học tập, lao động, đoàn kết, kỉ luật, vệ sinh, khiêm tốn, thật thà, dũng cảm. Đây là những giá trị có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

* Nhóm tác giả Lê Đức Phúc, Nguyễn Thạc và Mạc Văn Trang trong chương trình nghiên cứu đề tài khoa học cấp nhà nước KX07-03 đã đề xuất 24 giá trị được xác định trên cơ sở cấu trúc nhân cách con người nói chung và thế hệ trẻ Việt Nam nói riêng. Cấu trúc đó bao gồm:

– Trí tuệ;

- Đạo đức;
- Thể lực;
- Kinh tế;
- Chính trị – xã hội;
- Văn hoá – thẩm mỹ.

Bảng giá trị được xác định bao gồm:

1.	Tự do	13.	Giàu sang
2.	Hoà bình	14.	Địa vị
3.	Công lí	15.	Trung thực
4.	Việc làm	16.	Trách nhiệm
5.	Học vấn	17.	Vị tha
6.	Chân lí	18.	Tình nghĩa
7.	Tình yêu	19.	Lí tưởng
8.	An ninh	20.	Tự lập
9.	Cái đẹp	21.	Tự trọng
10.	Niềm tin	22.	Năng động
11.	Gia đình	23.	Sáng tạo
12.	Sức khoẻ	24.	Hữu nghị

Tuy nhiên, qua thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XXI, cấu trúc nhân cách của con người Việt Nam cũng đã có thay đổi, do đó bảng giá trị trên cũng cần có sự thay đổi ít nhiều.

- * Theo chúng tôi, giáo dục giá trị cho HS THPT là sự kết hợp giáo dục:
 - Giá trị truyền thống – giá trị hiện đại.
 - Giá trị phổ quát – giá trị cục bộ.
 - Giá trị dân tộc – giá trị toàn cầu.
 - Giá trị cá nhân – giá trị cộng đồng...

Dưới đây, xin gợi ý bảng giá trị theo các tiêu chí trên:

Giá trị truyền thống	Giá trị hiện đại
Yêu nước (Tổ quốc)	Tự lập
Yêu đồng bào	Lí tưởng
Gia đình	Năng động
Cần cù	Duy lí
Sáng tạo	Hiệu quả
Hiếu học	Khoa học
Siêng năng	Chân lí
Hiếu thảo	Kỷ luật
Khiêm tốn	Tự do
Đoàn kết	Bình đẳng
Dũng cảm	Hạnh phúc
Sức khoẻ	Trung thực
Khoan dung	Công lí
Nhân ái	Hoà bình
Vị tha	Tôn trọng
Hữu nghị	Dân chủ
Biết ơn	Trách nhiệm
Giản dị	Hợp tác
Cái thiện	Cái đẹp

Trong bảng giá trị nêu trên, bao hàm 12 giá trị sống phổ quát của nhân loại, đó là: 1/ Hoà bình; 2/ Tôn trọng; 3/ Yêu thương; 4/ Khoan dung; 5/ Hạnh phúc; 6/ Trách nhiệm; 7/ Hợp tác; 8/ Khiêm tốn; 9/ Trung thực; 10/ Giản dị; 11/ Tự do; 12/ Đoàn kết. Trong 12 giá trị này, cũng có một số giá trị trùng với những giá trị đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát, như khiêm tốn, thật thà (trung thực), đoàn kết. Các giá trị còn lại, theo kết

Mỗi phương pháp dạy học đều nhấn mạnh đến một góc độ nào đó của cơ chế dạy – học. Điều đó cho thấy, dù phương pháp dạy học là cổ điển hay hiện đại cũng chỉ phát huy vai trò của người thầy và sự tác động lên học trò ở một phương diện nào đó. Điều này đồng nghĩa với việc, mỗi phương pháp đều có mặt mạnh, mặt yếu nên người thầy trên lớp cần căn cứ vào mục tiêu, bản chất của nội dung cần truyền đạt, phù hợp với thành phần nhóm học, phù hợp với nguồn lực, phương tiện dạy – học để vận dụng.

a. Tiến trình chung

* Việc giáo dục giá trị cho HS cần diễn ra không chỉ trong khuôn viên nhà trường, lớp học, mà còn ở bên ngoài nhà trường, không loại trừ ở cộng đồng, gia đình. Tiến hành giáo dục giá trị nên theo các bước cho HS:

- Nhận thức giá trị.
- Hiểu giá trị và xác định vị trí.
- Quyết định hành động hay không.
- Lập kế hoạch học – hành cho từng giá trị, lên các bước hoạt động cụ thể.
- Thực hiện kế hoạch.
- Suy nghĩ về hoạt động đã thực hiện, đánh giá và xem xét các hoạt động tiếp theo.

* Phương pháp giáo dục giá trị cũng cần tuân thủ các giai đoạn đó. Cụ thể:

Đối với giai đoạn nhận thức, cần cho HS tiếp thu các giá trị chuẩn mực giá trị xã hội; thông qua phân tích, tổng hợp, khái quát các sự kiện làm sáng tỏ giá trị của nó, nói cách khác là đánh giá giá trị. GV làm mẫu, HS noi theo, từ đó từng bước định hình trong tư duy của các em về giá trị và hệ giá trị đã được định hướng. Đây là bước chuẩn bị cho HS có sự lựa chọn, đánh giá giá trị đúng – sai, tốt – xấu, thiện – ác...

Đối với giai đoạn thái độ, sau khi các em có sự chuẩn bị về mặt nhận thức, cần được biểu hiện bằng thái độ, thông qua các tầng bậc tâm lí: ước muốn, đồng tình, phản đối, nhất trí, tuân theo, phê phán...

Đối với giai đoạn hành động, GV cần khuyến khích HS tự giác chuyển hoá từ nhận thức, thái độ đến hành động theo hệ giá trị hoặc những chuẩn mực.

Sau khi thực hiện các bước cơ bản nói trên, cần có sự đánh giá. Việc đánh giá hướng tới phân tích tác động của hoạt động giáo dục giá trị và hoạt động thực tiễn của HS đem lại hiệu quả như thế nào, có đạt được các mục tiêu đề ra không, HS có thể chuyển hoá từ nhận thức sang hành vi hay không. Việc đánh giá này cần được cụ thể hoá bằng các phép đo và công cụ đo, hoặc mô tả được. Do đó, ngay từ khi triển khai kế hoạch giáo dục giá trị, cần phải thiết lập các chỉ số đo hành vi để đo được các kết quả khi các hành vi được biểu thị ra.

Ngoài ra, cũng khuyến khích HS tự đánh giá bản thân. Khi HS tự nhận thức bản thân cũng là cơ hội để họ tự điều chỉnh và làm chủ bản thân.

- * Theo lý luận giáo dục, tiếp cận giá trị trải qua các bước, các cấp độ sau đây:
 - Cấp độ nhận thức được thể hiện ở hai mức độ:
 - + *Mức độ biết*: Thể hiện ở mức độ giới hạn về các khái niệm, các sự kiện và thuật ngữ. Cần phải chuyển sang mức độ hiểu sâu hơn về bản chất bên trong của các khái niệm, sự kiện cũng như ý nghĩa của việc nắm được các khái niệm, các chuẩn mực, quy tắc... thể hiện các giá trị đó.
 - + *Mức độ hiểu*: Mức độ này thể hiện sự hiểu sâu bản chất của giá trị để có thể thể hiện bằng hành vi phù hợp.

Trong quá trình thảo luận cần đảm bảo rằng: HS không chỉ biết được các giá trị, mà còn cần hiểu được bản chất của các giá trị và các hình thái thể hiện của nó trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp của người GV, đồng thời còn cần hiểu được cơ sở khoa học của hệ thống giá trị.

- Cấp độ tình cảm: Nếu chỉ có biết và hiểu thì chưa đảm bảo những giá trị, những yêu cầu, những chuẩn mực được nội tâm hoá và tích hợp với hệ thống vốn kinh nghiệm đã có để trở thành tài sản riêng của mỗi cá nhân. Bước này đảm bảo các giá trị được cá nhân lựa chọn qua kinh nghiệm, được suy ngẫm và được khẳng định; được nuôi dưỡng trở thành động cơ của hành vi, mục tiêu và lí tưởng của cuộc sống. Giá trị được nội tâm hoá là các giá trị được lựa chọn một cách tự nguyện thông qua các cách lựa chọn, đánh giá khác nhau nhờ cõ xát các ý kiến trong quá trình thảo luận và trải nghiệm thực tiễn từ những tấm gương thầy, cô giáo của mình.
- Cấp độ hành động: Các giá trị được nội tâm hoá sẽ dẫn tới định hướng cho hành vi của cá nhân. Trên cơ sở nội tâm hoá các giá trị, yêu cầu đạo

đức mỗi HS có những tình cảm tích cực, ý thức được trách nhiệm của mình trong cuộc sống và tu dưỡng để trở thành công dân tương lai và có những hành vi phù hợp trong cuộc sống. Điều này có thể diễn ra một cách tự nhiên, nhưng cần thiết phải được trải nghiệm các giá trị và rèn luyện qua hoạt động thực tiễn.

Các cấp độ theo cách tiếp cận giá trị có thể tuân theo logic trên, nhưng cũng có thể thay đổi trật tự và đan xen nhau một cách biện chứng.

Cơ chế tiếp nhận giá trị nêu trên cần được quan tâm khi tổ chức giáo dục giá trị cho HS để đồng thời HS vừa có hiểu biết về các giá trị và hệ thống các chuẩn mực hành vi vừa có tình cảm và niềm tin vào sự cần thiết và ý nghĩa của nó, để rồi niềm tin vào các giá trị đó sẽ định hướng và kiểm soát hành vi của HS trong hiện tại và tương lai.

b. Giáo dục giá trị thông qua các môn học

Việc giáo dục hệ giá trị cần được xem như một phần trong toàn bộ học vấn của HS mà nhà trường cần trang bị. Đối với mỗi môn học, ngoài việc trang bị tốt các đơn vị kiến thức theo chuẩn kiến thức, kĩ năng còn cần kết hợp với mục tiêu giáo dục giá trị. Ví dụ: Khi dạy về thí nghiệm vật lí của Galileo Galilei, ngoài việc mô tả đúng thí nghiệm và rút ra kết luận theo SGK, GV cũng cần thông qua câu chuyện về thí nghiệm này giáo dục về sự tôn trọng chân lí và thái độ, trách nhiệm trước chân lí của Galilei: *Người ta chỉ có thể rút ra kiến thức khoa học từ các quy luật khách quan của thiên nhiên, chứ không phải từ niềm tin.*

Trong việc giáo dục giá trị, các môn khoa học xã hội như Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, Âm nhạc có ưu thế đặc biệt. Lịch sử giúp HS có thể rút ra những bài học kinh nghiệm, áp dụng kiến thức lịch sử vào việc lựa chọn các hoạt động, phê phán của mình. Âm nhạc, Văn học góp phần xây dựng nền tảng cần thiết cho việc nâng cao óc thẩm mĩ. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là môi trường hữu hiệu cho việc nhận thức, luyện tập, thực hành các hành vi. Thể dục giúp HS nâng cao nhận thức về giá trị của sức khoẻ, về sinh mạng của con người...

c. Giáo dục giá trị như là một môn học độc lập

Hiện tại, trong điều kiện thực tế ở nước ta hiện nay, phương pháp này chưa thể thực hiện được. Tuy nhiên, về chương trình khung, môn học

này hướng tới việc trang bị cho HS những khái niệm cơ bản nhất của giá trị học, như giá trị, định hướng giá trị, vị trí của giá trị trong hoạt động của con người, quá trình hình thành giá trị, cơ sở của sự phát triển giá trị, những giá trị chấp nhận được trong một xã hội...

Thông qua những kiến thức như vậy, HS sẽ tự nhận thức về giá trị của bản thân, đánh giá những giá trị này trong các mối quan hệ với tự nhiên, xã hội, tự giác lựa chọn các giá trị trong sự phát triển của riêng mình bằng sự phê phán hoặc chấp nhận.

d. Giáo dục giá trị thông qua các phương pháp dạy học tích cực và kĩ thuật dạy học

Trong hoạt động giáo dục giá trị, phương pháp giáo dục và kĩ thuật dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực học tập của HS. Dưới đây xin trình bày một số phương pháp giáo dục và kĩ thuật dạy học tích cực tiêu biểu, có ưu thế cao trong việc phát huy tính tích cực của HS và giáo dục giá trị:

- Phương pháp dạy học nhóm;
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình;
- Phương pháp giải quyết vấn đề;
- Phương pháp đóng vai;
- Phương pháp trò chơi;
- Dạy học theo dự án (Phương pháp dự án).
- Kĩ thuật chia nhóm;
- Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
- Kĩ thuật đặt câu hỏi;
- Kĩ thuật “Khăn trải bàn”;
- Kĩ thuật “Phòng tranh”;
- Kĩ thuật “Công đoạn”;
- Kĩ thuật các “Mảnh ghép”;
- Kĩ thuật động não;
- Kĩ thuật “Trình bày một phút”;

- Kỹ thuật “Chúng em biết 3”;
- Kỹ thuật “Hỏi và trả lời”;
- Kỹ thuật “Hỏi chuyên gia”;
- Kỹ thuật “Bản đồ tư duy”;
- Kỹ thuật “Hoàn tất một nhiệm vụ”;
- Kỹ thuật “Viết tích cực”;
- Kỹ thuật “Đọc hợp tác” (còn gọi là “Đọc tích cực”);
- Kỹ thuật “Nói cách khác”;
- Phân tích phim;
- Tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm.

Các phương pháp dạy học trên đã được trình bày trong nhiều tài liệu về phương pháp dạy học và các tài liệu khác, vì thế trong tài liệu này chúng tôi không trình bày lại.

3. BÀI TẬP

Phân tích cách tiếp cận và phương pháp giáo dục giá trị sống cho HS THPT tại Việt Nam

Hoạt động 2: Thực hành thiết kế các hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT.

1. NHIỆM VỤ

Thiết kế được các hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS THPT ở Việt Nam.

2. THÔNG TIN

Giáo dục giá trị cho HS THPT cần có sự kết hợp nhiều hình thức và phương pháp truyền đạt tạo sự sinh động, hấp dẫn các em HS tham gia. Do vậy, GV cần có sự đầu tư thời gian, công sức, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để tạo ra những bài giảng, hoạt động giáo dục giá trị cho phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Không có một giáo án cụ thể cho giáo dục một giá trị cụ thể nào, tuy nhiên, dưới đây là một số bước cơ bản gợi ý:

- Bước 1: GV cần tìm hiểu rõ nội hàm của giá trị, các biểu hiện của giá trị trong thực tế, trong lịch sử... Ví dụ: Tìm hiểu nội hàm của “Cái đẹp”, nói các khác “Cái đẹp” là gì? Các quan niệm khác nhau về “Cái đẹp”? Các hình thức biểu hiện của “Cái đẹp” trong văn học, nghệ thuật, lịch sử... như thế nào?
- Bước 2: GV lên kế hoạch dạy học, trong đó bao gồm: chất liệu (kiến thức về văn học, âm nhạc, hội họa, lịch sử...), phương pháp thể hiện (thuyết giảng, thảo luận nhóm, múa, hát...), các bước tiến hành, kết quả mong đợi, công cụ đo... Trong chương trình môn học, những bài nào có thể lồng ghép dạy về “Cái đẹp”, các hoạt động sẽ được thiết kế như thế nào để gợi mở, nêu vấn đề cho HS cùng tham gia tìm hiểu về “Cái đẹp” trong bài học kích thích HS tự tìm hiểu, hoặc thể hiện, chia sẻ, trao đổi... những hiểu biết về kiến thức sẽ được học; xây dựng các bài test hoặc các câu hỏi để kiểm tra, đánh giá sự tiếp thu, vận dụng kiến thức của HS...
- Bước 3: Soạn giáo án chi tiết và tiến hành dạy học. Cụ thể, GV chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp. Ở đây, cũng cần lưu ý rằng, không có phương pháp, kĩ thuật dạy học nào đáp ứng cho mọi đối tượng HS, mà trong thực tế giảng dạy GV cần linh hoạt ứng phó cho phù hợp. GV thiết kế, chuẩn bị các hoạt động để HS áp dụng, luyện tập, vận dụng, thực hành kiến thức mới học vào các tình huống mới, bối cảnh mới. GV giám sát các diễn biến hoạt động trên lớp, định hướng, điều chỉnh những nhận thức hoặc hành vi chưa đúng.

- Bước 4: Kiểm tra, đánh giá kết quả. Đây là việc làm thường xuyên, trở đi trở lại nhiều lần để tạo thành thói quen cho HS.

3. CÁC CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

a. *Thực hành soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động giáo dục giá trị:*

1/ Để giáo dục về giá trị yêu nước, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2/ Để giáo dục về giá trị yêu đồng bào, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

3/ Để giáo dục về giá trị tự lập, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

4/ Để giáo dục về giá trị lí tưởng, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

5/ Để giáo dục về giá trị gia đình, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

6/ Để giáo dục về giá trị trách nhiệm, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

7/ Để giáo dục về giá trị hợp tác, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

8/ Để giáo dục về giá trị khiêm tốn, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

9/ Để giáo dục về giá trị trung thực, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

10/ Để giáo dục về giá trị giản dị, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

11/ Để giáo dục về giá trị tự do, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

12/ Để giáo dục về giá trị đoàn kết, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

- 13/ Để giáo dục về giá trị cần cù, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 14/ Để giáo dục về giá trị sáng tạo, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 15/ Để giáo dục về giá trị siêng năng, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 16/ Để giáo dục về giá trị hiếu thảo, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 17/ Để giáo dục về giá trị kỉ luật, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 18/ Để giáo dục về giá trị bình đẳng có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 19/ Để giáo dục về giá trị đoàn kết, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 20/ Để giáo dục về giá trị dũng cảm, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 21/ Để giáo dục về giá trị sức khỏe, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 22/ Để giáo dục về giá trị công lí, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 23/ Để giáo dục về giá trị nhân ái, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 24/ Để giáo dục về giá trị vị tha, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 25/ Để giáo dục về giá trị hữu nghị, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 26/ Để giáo dục về giá trị biết ơn, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.
- 27/ Để giáo dục về giá trị trách nhiệm, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

28/ Để giáo dục về giá trị dân chủ, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

29/ Để giáo dục về giá trị cái thiện, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

30/ Để giáo dục về giá trị cái đẹp, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

31/ Để giáo dục về giá trị khoan dung, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

32/ Để giáo dục về giá trị năng động, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

33/ Để giáo dục về giá trị hiệu quả, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

34/ Để giáo dục về giá trị khoa học, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

35/ Để giáo dục về giá trị chân lí, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

36/ Để giáo dục về giá trị duy lí, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

37/ Để giáo dục về giá trị tự trọng, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

38/ Để giáo dục về giá trị tình nghĩa, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện soạn 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

b. Thực hành lồng ghép giáo dục giá trị trong một số môn học trong nhà trường THPT

1/ Theo bạn, giáo dục về giá trị yêu nước có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

2/ Theo bạn, giáo dục về yêu đồng bào có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

- 3/ Theo bạn, giáo dục về giá trị tự lập có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 4/ Theo bạn, giáo dục về giá trị lí tưởng có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 5/ Theo bạn, giáo dục về giá trị gia đình có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 6/ Theo bạn, giáo dục về giá trị trách nhiệm có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 7/ Theo bạn, giáo dục về giá trị hợp tác có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 8/ Theo bạn, giáo dục về giá trị khiêm tốn có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 9/ Theo bạn, giáo dục về giá trị trung thực có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 10/ Theo bạn, giáo dục về giá trị giản dị có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 11/ Theo bạn, giáo dục về giá trị tự do có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 12/ Theo bạn, giáo dục về giá trị đoàn kết có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?
- 13/ Theo bạn, giáo dục về giá trị cần cù có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

14/ Theo bạn, giáo dục về giá trị sáng tạo có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

15/ Theo bạn, giáo dục về giá trị siêng năng có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

16/ Theo bạn, giáo dục về giá trị hiếu thảo có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

17/ Theo bạn, giáo dục về giá trị kỉ luật có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

18/ Theo bạn, giáo dục về giá trị bình đẳng có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

19/ Theo bạn, giáo dục về giá trị đoàn kết có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

20/ Theo bạn, giáo dục về giá trị dũng cảm có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

21/ Theo bạn, giáo dục về giá trị sức khoẻ có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

22/ Theo bạn, giáo dục về giá trị công lí có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

23/ Theo bạn, giáo dục về giá trị nhân ái có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

24/ Theo bạn, giáo dục về giá trị vị tha có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

25/ Theo bạn, giáo dục về giá trị hữu nghị có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

26/ Theo bạn, giáo dục về giá trị biết ơn có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

27/ Theo bạn, giáo dục về giá trị trách nhiệm có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

28/ Theo bạn, giáo dục về giá trị dân chủ có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

29/ Theo bạn, giáo dục về giá trị cái thiện có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

30/ Theo bạn, giáo dục về giá trị cái đẹp có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

31/ Theo bạn, giáo dục về giá trị khoan dung có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

32/ Theo bạn, giáo dục về giá trị năng động có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

33/ Theo bạn, giáo dục về giá trị hiệu quả có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

34/ Theo bạn, giáo dục về giá trị khoa học có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

35/ Theo bạn, giáo dục về giá trị chân lí có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

36/ Theo bạn, giáo dục về giá trị duy lý có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?

37/ Theo bạn, giáo dục về giá trị tự trọng có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?

38/ Theo bạn, giáo dục về giá trị tình nghĩa có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình THPT? Giả sử, bạn là GV dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?

Kết luận

Giáo dục giá trị là một thành phần quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông, bên cạnh kiến thức, kĩ năng, thái độ. Giữa giá trị và nhân cách có mối quan hệ biện chứng, định hình giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách và nhân cách hoàn thiện góp phần ổn định các giá trị của bản thân. Nhà trường đóng vai trò định hướng, điều chỉnh những hành vi của HS theo những giá trị và chuẩn mực chung của xã hội. Việc định hướng giá trị, xây dựng hệ thống giá trị ổn định cho HS THPT là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Module này khép lại, nhưng tác giả hi vọng nội dung đã được trình bày mở ra cho các thầy, các cô những suy nghĩ mới về việc giáo dục giá trị, định hướng giá trị, phương pháp giáo dục giá trị, nội dung giáo dục giá trị... Cùng quan điểm với GS. Phạm Minh Hạc, sứ mệnh của giáo dục giá trị là “đưa cách tiếp cận giá trị vào toàn bộ hoạt động dạy – học, hình thành và phát triển bền vững con người, gia đình, cộng đồng, xã hội.”¹

¹ Phạm Minh Hạc, *Giá trị học - Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr.183.



D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Anh/ chị đã nghiên cứu xong phần nội dung trình bày trong module THPT 36. Anh/ chị hãy trả lời các câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu (✓) vào ô thích hợp hoặc viết thêm vào các dòng để trống.

1. Những kiến thức trình bày trong module này là hoàn toàn mới đối với anh/ chị hay anh/ chị đã biết trước khi đọc module này?
Hoàn toàn mới Đã biết trước một phần Biết trước tất cả
2. Module này có đáp ứng được nhu cầu học tập của anh/ chị không?
Không Không nhiều Có
3. Nội dung của module này có giúp ích gì cho hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường anh/ chị không?
Không Không nhiều Có
4. Anh/ chị có thể vận dụng kiến thức thu hoạch được trong module này vào công tác giảng dạy được không?
Không vận dụng được Không nhiều Có vận dụng được
5. Nội dung quan trọng nhất mà anh/ chị thu hoạch được qua nghiên cứu module này là gì?

6. Qua module này, anh/ chị thấy cần tiếp tục nghiên cứu, rèn luyện thêm những kiến thức, kĩ năng nào?

7. Anh/ chị có thể đề xuất những nội dung cần bổ sung cho module này:



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn – Phạm Văn Đức – Hồ Sĩ Quý, *Tìm hiểu giá trị truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Vũ Thị Kim Dung, *Về sự biến đổi chuẩn mực đánh giá thẩm mỹ trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
3. Denis Huisman, *Mĩ học*, NXB Thế giới, 2003.
4. Đỗ Huy, *Chuyển đổi các giá trị trong văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1993.
5. Đỗ Huy, *Cái đẹp một giá trị*, NXB Hà Nội, 1993.
6. Hồ Sĩ Quý, *Về giá trị và giá trị châu Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
7. Nguyễn Thạc – Mạc Văn Trang – Nguyễn Quang Uẩn, *Giá trị và định hướng giá trị nhân cách*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Vũ Duy Thông, *Cái đẹp trong kháng chiến Việt Nam 1945 – 1975*, NXB Giáo dục, 2000.
9. E. Wanning, *Sốc văn hoá Mỹ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
10. Xavier Barral Altet, *Lịch sử nghệ thuật*, NXB Thế giới, 2003.
11. Dianne Tillmen, *Những giá trị cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009.
12. Dương Thu Ái – Nguyễn Kim Hạnh, *Giáo dục truyền thống văn hoá gia đình cổ xưa*, NXB Văn hoá – Thông tin (sưu tầm, dịch), 2003.
13. Ngô Đức Thịnh, *Những giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
14. Phạm Minh Hạc, *Giá trị học - Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
15. Phạm Minh Hạc – Thái Duy Tuyên, *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.